Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2804.70.00

Mã HS	2804.70.00
Mô tả hàng hóa	Hydro, khí hiếm và các phi kim loại khác / - Phospho
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 03:22:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28047000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3450
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3450
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3450
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5 %. 10%. Từ ngày 01/01/2027 áp dụng mức thuế suất 15%./0	5 %. 10%. Từ ngày 01/01/2027 áp dụng mức thuế suất 15%./0	199/2025/NĐ-CP	2025-07-08	BT2026!CJ3450
Thuế XK ưu đãi CPTPP	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3450
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5/5	5 / 5 (nhiều mức)	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3450

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5/5	5 / 5 (nhiều mức)	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3450

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3401
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3362

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3362
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3362
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3362
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3362
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3362
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3400
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3400
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3400
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3400
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3400
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3400
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3404
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3404
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3404
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3404
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3404
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3404
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3404
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3368
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3364
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3364
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3364
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3364
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3364
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3364
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3364

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3364
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3364
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3364
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3364
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3364
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3411
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3411
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3411
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3411
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3411
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3411
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3408
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3408
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3408
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3408
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3408
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3408
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3416
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3416
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3416
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3416
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3416
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3416
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3387
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3387
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3387

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3387
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3387
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3387
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3389
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3389
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3389
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3389
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3389
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3389
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3387
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3387
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3387
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3387
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3387
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3387
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3387
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3408
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3408
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3408
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3408
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3408
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3408
RCEP B	2022	2022	0	B!D3408
RCEP B	2023	2023	0	B!E3408
RCEP B	2024	2024	0	B!F3408
RCEP B	2025	2025	0	B!G3408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP B	2026	2026	0	B!H3408
RCEP B	2027	2027	0	B!I3408
RCEP C	2022	2022	0	C!D3408
RCEP C	2023	2023	0	C!E3408
RCEP C	2024	2024	0	C!F3408
RCEP C	2025	2025	0	C!G3408
RCEP C	2026	2026	0	C!H3408
RCEP C	2027	2027	0	C!I3408
RCEP D	2022	2022	0	D!D3408
RCEP D	2023	2023	0	D!E3408
RCEP D	2024	2024	0	D!F3408
RCEP D	2025	2025	0	D!G3408
RCEP D	2026	2026	0	D!H3408
RCEP D	2027	2027	0	D!I3408
RCEP E	2022	2022	0	E!D3411
RCEP E	2023	2023	0	E!E3411
RCEP E	2024	2024	0	E!F3411
RCEP E	2025	2025	0	E!G3411
RCEP E	2026	2026	0	E!H3411
RCEP E	2027	2027	0	E!I3411
RCEP F	2022	2022	0	F!D3408
RCEP F	2023	2023	0	F!E3408
RCEP F	2024	2024	0	F!F3408
RCEP F	2025	2025	0	F!G3408
RCEP F	2026	2026	0	F!H3408
RCEP F	2027	2027	0	F!I3408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3140
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3140
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3140
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3140

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2804.70.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2804.70.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3450), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.